

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy mô, địa điểm, số lượng dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 46/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 về chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2020 trên địa bàn tỉnh; số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 về chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh; số 09/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 về chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Than Uyên; số 1794/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Than

Uyên; số 388/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 tháng 2022 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung số lượng dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Than Uyên.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1492/TTr-STNMT ngày 12 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung về quy mô, địa điểm của 04 công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Than Uyên và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Than Uyên, cụ thể:

1. Công trình: Sửa chữa, nâng cấp và mở rộng khuôn viên Nhà văn hoá Bản Luót xã Mường Kim huyện Than Uyên với diện tích 0,72 ha (tăng 0,65 ha so với quy hoạch đã được duyệt).

2. Công trình: Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè tỉnh Lai Châu với diện tích 5,91 ha (tăng 4,32 ha so với quy hoạch đã được duyệt).

3. Công trình: Đường dây 110Kv mạch 2 từ TBA 220Kv Than Uyên - TBA 110Kv Than Uyên với diện tích 0,68 ha (tăng 0,13 ha so với quy hoạch đã được duyệt).

4. Dự án: Đường dây 35KV từ TBA 110KV Than Uyên đến thủy điện Suối Lĩnh với diện tích 0,06 ha (tăng 0,06 ha so với quy hoạch đã được duyệt).

Điều 2. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh thành “2. Bãi tập kết diêm mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực lòng hồ thủy điện bản Chát và thủy điện Huổi Quảng với diện tích 0,22 ha” (giảm 0,04 ha so với quy hoạch đã được duyệt).

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh.

(Vị trí, diện tích và chi tiết các loại đất của từng công trình được điều chỉnh, bổ sung có sơ đồ kèm theo)

Điều 3. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị:

1. Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên:

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

3. Các chủ đầu tư:

Hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Than Uyên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CB;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA HUYỆN THAN UYÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý sử dụng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất (ha)	Diện tích (ha)	Loại đất		
1	Sửa chữa, nâng cấp và mở rộng khuôn viên Nhà văn hoá Bản Lướt xã Mường Kim huyện Than Uyên	Xã Mường Kim	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,2730 ; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,0002; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,1124 ; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,1059 ; đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH) 0,0715; đất giao thông (DGT) 0,1357 ; đất sông suối (SON) 0,0093; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,0135	0,07	Đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH)	0,72	Đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH)	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, địa điểm
2	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè tỉnh Lai Châu	Xã Mường Kim, Mường Cang	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 1,380; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,402; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 1,539; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,144; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,705; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,302; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX) 0,328; đất giao thông (DGT) 0,065; đất thủy lợi (DTL) 0,01; đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD) 0,003; đất sông suối (SON) 0,80; đất chưa sử dụng (CSD) 0,233	1,59	Đất thủy lợi (DTL)	5,91	Đất thủy lợi (DTL)	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, địa điểm

3	Đường dây 110Kv mạch 2 từ TBA 220Kv Than Uyên - TBA 110Kv Than Uyên	Xã Phúc Than	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,325; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,15; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,1; đất rừng sản xuất (RSX) 0,1; đất giao thông (DGT) 0,001; đất chưa sử dụng (CSD) 0,008	0,55	Đất công trình năng lượng (DNL)	0,68	Đất công trình năng lượng (DNL)	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2020 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, địa điểm
4	Đường dây 35KV từ TBA 110KV Than Uyên đến thủy điện Suối Lĩnh	Xã Phúc Than	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,0056; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,0192; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,0112; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,004; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,0012; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,0012; đất chưa sử dụng (CSD) 0,0176			0,06	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 27/06/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án công trình thủy điện Suối Lĩnh; Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 8/2/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh bổ sung quy mô, địa điểm
5	Bãi tập kết diêm mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực lòng hồ thủy điện bản Chát và thủy điện Huội Quảng	Các xã: Mường Mít, Tạ Gia	Đất trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,03 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,19 ha;	0,26	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX)	0,22	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX)	Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 04/03/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát, sỏi trong phạm vi hồ chứa thủy điện Huội Quảng, Bản Chát	Điều chỉnh quy mô, địa điểm